TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **30/**2025/DS-ST.
Ngày: 22/4/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH -TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Ông **Lê Văn Khanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng S**

Trụ sở: Số 266/268, NKKN, phường V, quận 3, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc T**. Chức vụ Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy: Ông **Nguyễn Minh T**.

Chức vụ: Chuyên viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

(Theo Giấy ủy quyền số 4122/2023/UQ-TGĐ ngày 24/11/2023)

Đại diện nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1160, PVĐ, phường LĐ, thành phố T, thành phố H.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, ấp I, xã TH, huyện AM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2023 và các lời khai khác tại Tòa án, đại diện nguyên đơn đã trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 20/02/2021, ông Trần Văn V có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Trần Văn V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thể tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 106.500.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 83.776.445 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Trần Văn V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 19/11/2023, ông Trần Văn V còn nợ các khoản tiền sau: Dư nợ gốc là 38.403.530đ, lãi quá hạn là 18.671.950đ, tổng cộng là 57.075.480đ (Năm mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Trần Văn V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Trần Văn V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/11/2023 là 57.075.480đ (Năm mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi đồng) và ông V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/11/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Trần Văn V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn V trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/4/2025 tổng cộng là 83.036.480đ (Tám mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó dư nợ gốc 38.403.530đ, lãi quá hạn là 44.632.950đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay từ ngày 23/4/2025 cho đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Ông Trần Văn V vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Trần Văn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Trần Văn V được Tòa án triệu tập tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt là trên cơ sở tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận đề nghị của nguyên đơn để xét xử vắng mặt.

Do trong vụ án, các đương sự đều vắng mặt nên HĐXX thực hiện việc xét xử theo trình tự được quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Đại diện Ngân hàng S yêu cầu giải quyết buộc anh Trần Văn V trả số tiền vay gốc còn nợ và lãi quá hạn tính đến ngày 22/4/2025 là 83.036.480đ (Tám mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó dư nợ

gốc 38.403.530đ, lãi quá hạn là 44.632.950đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay từ ngày 23/4/2025 cho đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

HĐXX thấy rằng: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/02/2021, thể hiện ông Trần Văn V có đề nghị Ngân hàng S cấp hạn mức thẻ tín dụng để sử dụng rút tiền tiêu dùng cá nhân bằng hình thức Ngân hàng cho vay trong thời gian nhất định theo hạn mức tiền vay được cấp theo thỏa thuận, từ khi được cấp thể tín dụng, ông Trần Văn V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 106.500.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 83.776.445đ đến nay còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 83.036.480đ (Tám mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi đồng), trong đó dư nợ gốc 38.403.530đ, lãi quá hạn là 44.632.950đ.

Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập ông Trần Văn V đến tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử đế có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông V đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, ông Trần Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng S ngày 20/02/2021. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trân Văn Vinh thanh toán nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/4/2025 với tổng số tiền là 83.036.480đ, trong đó dư nợ gốc 38.403.530đ, lãi quá hạn là 44.632.950đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên có đủ cơ sở để HĐXX xem xét buộc ông Trần Văn V phải có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi theo như yêu cầu của Ngân hàng S.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Trần Văn V phải chịu án phí sơ thẩm vụ án có giá ngạch là 83.036.480đ, số tiền án phí sẽ là 83.036.480đ x 5% = 4.151.824đ, làm tròn là 4.152.000đ (Bốn triệu, một trăm, năm mươi hai ngàn đồng)

Ngân hàng Sđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.426.887đ (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0000218 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức đã thu tiền).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân

sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dung năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông Trần Văn V.

Buộc ông Trần Văn V trả cho Ngân hàng S, số tiền tổng cộng tính đến ngày 22/4/2025 là 83.036.480đ (Tám mươi ba triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi đồng). Trong đó dư nợ gốc là 38.403.530đ, lãi quá hạn là 44.632.950đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/02/2021.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn V phải chịu án phí sơ thẩm vụ án có giá ngạch là 4.152.000đ (Bốn triệu, một trăm, năm mươi hai ngàn đồng)

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.426.887đ (Một triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0000218 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh (Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức đã thu tiền).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt. Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh